

Bản án số: 393/2023/DS-PT

Ngày: 26 - 6 - 2023

V/v Tranh chấp chia thừa kế tài sản và
yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:
179/2023/TLPT-DS ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp chia thừa kế
tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022
của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1268/2023/QĐPT-DS
ngày 30 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Văn NĐ, sinh năm 1954 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 09, ấp Tân T, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Ngô Thị BĐ, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 142 đường Trần Hưng Đ, Khóm 3, Phường 1, thị xã Vĩnh
C, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1950 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 181, khóm Kinh V, phường Khánh H, thị xã Vĩnh C, tỉnh
Sóc Trăng;

2/ Ông Ngô Văn H, sinh năm 1953 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 194D đường 30/4, khóm 2, phường 1, thị xã Vĩnh C, tỉnh

Sóc Trăng;

3/ Ông Ngô Văn S, sinh năm 1957 (có mặt);

Địa chỉ: Số 197B đường Đồng K, khóm 2, phường 1, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng;

4/ Ông Ngô Văn K, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 39 khóm Vĩnh T, phường Vĩnh P, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng;

5/ Bà Trần Thị N, sinh năm 1955 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 6/81 khóm 8, phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu;

6/ Bà Trần Thị A1, sinh năm 1957 (vắng mặt).

7/ Bà Trần Thị P, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số nhà 4/186, ấp Rạch T, xã Vĩnh T, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

8/ Bà Trần Thị Út T, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 5/140B, ấp Thào L, xã Vĩnh T, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; (

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị A1, Trần Thị P, Trần Thị Út T: Ông Ngô Văn ND sinh năm 1954 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 09, ấp Tân T, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng;

(Văn bản ủy quyền lập ngày 25/7/2022).

9/ Bà Đỗ Kim H, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 254 đường Trần Hưng Đ, khóm 2, phường 1, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Kim H: Ông Ngô Văn ND sinh năm 1954 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 09, ấp Tân T, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng;

(Văn bản ủy quyền lập ngày 15/8/2022).

10/ Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 142 đường Trần Hưng Đ, khóm 3, phường 1, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng;

11/ Ông Ngô Hoài H, sinh năm 1996 (có mặt);

Địa chỉ: Số 142 đường Trần Hưng Đ, khóm 3, phường 1, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng;

12/ Chị Ngô Tết N, sinh năm 2003 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 142 đường Trần Hưng Đ, khóm 3, phường 1, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng;

13/ Ông Ngô Văn K1, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Hẻm số 36, đường Trần Hưng Đ, khóm 3, phường 1, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng;

14/ Bà Phạm Thị Hồng Đ, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 29/24/30 đường số 08, phường hòa B, huyện Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ tạm trú: Hẻm 36, đường Trần Hưng Đ, khóm 3, phường 1, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện theo ủy quyền của bà Đ1: Ông Ngô Văn K1, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Hẻm số 36, đường Trần Hưng Đ, khóm 3, phường 1, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng

15/ Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Sơn Ngọc T. Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị xã Vĩnh C (vắng mặt)

- *Người kháng cáo: Bị đơn là bà Ngô Thị BĐ.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 02/01/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/9/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Ngô Văn NĐ đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Trần Thị P, Trần Thị A1, Trần Thị Út T và Đỗ Kim H, trình bày và yêu cầu như sau:*

Cụ Ngô Văn G1 (sinh năm 1915, chết ngày 20/9/1973) và cụ Lê Thị G2 (sinh năm 1922, chết ngày 26/3/1978) có tất cả 08 người con, bao gồm: Ngô Thị N1 (chết ngày 07/5/1998), Ngô Thị N2 (chết ngày 06/01/2002), Ngô Văn NĐ, Ngô Thị BĐ, Ngô Thị Đ, Ngô Văn H, Ngô Văn S, Ngô Văn K. Riêng bà Ngô Thị N1 có chồng là ông Trần Văn L1 (đã chết) có 04 người con là Trần Thị N, Trần Thị A1, Trần Thị P và Trần Thị Út T; Bà Ngô Thị N2 có chồng là ông Đỗ Văn C (đã chết) và có 01 người con là bà Đỗ Kim H.

Lúc sinh thời, vợ chồng cụ G1, cụ G2 có tạo lập được quyền sử dụng đất diện tích 464,8m², đất tọa lạc tại Khóm 3, Phường 1, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng và 01 căn nhà nằm trên diện tích đất nêu trên. Đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất của ông Khuru Chí T.
- Hướng Nam giáp đường Trần Hưng Đ.
- Hướng Tây giáp đất của ông Cao Minh T.
- Hướng Bắc giáp đất ông Q1.

Sau khi cụ G1, cụ G2 chết, các anh em của ông NĐ cùng ở tại căn nhà nêu trên rồi lần lượt mỗi người lập gia đình và ra ở riêng. Đồng thời giao lại cho bà Ngô Thị N2 quản lý di sản nêu trên của cha mẹ để lại. Năm 1997, bà Ngô Thị BĐ cùng với hai người con của bà Q trở về sống với bà N tại di sản nêu trên.

Quá trình sử dụng di sản thì bà N chết, nên các anh chị em của ông NĐ đã sửa lại căn nhà để bà Q tiếp tục ở lo thờ cúng cha mẹ. Tuy nhiên bà Q đã lén đi đăng ký và ngày 04/12/2015 đã được Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR154967, số vào sổ CH03890, diện tích

464,8m², đất thuộc thửa 91, tờ bản đồ 67 do bà Ngô Thị BD đứng tên. Sau khi phát hiện, ông NĐ đã yêu cầu Ủy ban nhân dân dân Phường 1, thị xã Vĩnh C tiến hành phân chia di sản thừa kế nhưng không thành. Ông Ngô Văn NĐ thống nhất với Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 11/11/2020 của Hội đồng định giá và biên bản về việc không yêu cầu định giá tài sản theo giá trị thị trường do Tòa án lập ngày 14/7/2022.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Ngô Văn NĐ yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Chia thừa kế đối với di sản do cha mẹ của ông để lại là phần đất có diện tích diện tích 464,8m², đất thuộc thửa 91, tờ bản đồ 67, tọa lạc tại Khóm 3, Phường 1, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng chia đều cho 08 anh chị em theo quy định của pháp luật.

- Yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR154967, số vào sổ CH03890 do UBND thị xã Vĩnh C cấp ngày 04-12-2015, đối với phần đất có diện tích 464,8m², đất thuộc thửa 91, tờ bản đồ 67 do bà Ngô Thị BD đứng tên.

** Theo Đơn tường trình ngày 08/11/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là bà Ngô Thị BD trình bày:*

Về thửa đất tranh chấp thửa đất số: 91, tờ bản đồ số: 67 có diện tích: 464,8m², tọa lạc tại khóm 3, phường 1, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà, đến ngày 04/12/2015 bà được Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài thửa đất nói trên cha mẹ của bà còn để lại tài sản là đất ruộng 32 công (tầm cây, đất lúa) tọa lạc tại: ấp Tân T, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi cha mẹ chết 04 người anh em lớn chia đều nhau thửa đất 32 công tầm cây gồm có: Ngô Văn NĐ, Ngô Văn H, Ngô Văn X1, Ngô Văn K.

Bà Ngô Thị BD cũng là con của cụ Ngô Văn G1 và cụ Lê Thị G2 nhưng các anh em không chia cho bà Q kỹ phần nào, nay lại còn đòi chia thừa kế đối với thửa đất số: 91, tờ bản đồ số: 67, diện tích: 464,8m² tọa lạc tại khóm 3, phường 1, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng, với lý do “nữ sanh ngoại tộc” thì bà Q không đồng ý. bà Q cũng không đồng ý với yêu cầu của ông Ngô Văn NĐ về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất mà Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh C đã cấp cho Q. Bà Ngô Thị BD thống nhất với Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 11/11/2020 của Hội đồng định giá và biên bản về việc không yêu cầu định giá tài sản theo giá trị thị trường do Tòa án lập ngày 14/7/2022.

** Theo đơn yêu cầu ngày 12/4/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Ngô Văn K1 trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết:*

Vào khoảng tháng 5/2018, bà Ngô Thị BD có nói và kêu ông K1 chuyển nhượng phần đất diện tích 146m² kế bên nhà bà Q và đất tọa lạc tại đường Trần Hưng Đ, Khóm 3, Phường 1, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng. Khi chuyển nhượng ông K1 có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Q để hỏi Văn

phòng Đăng ký đất đai thị xã Vĩnh C xem phần đất có tranh chấp không thì được trả lời không tranh chấp với ai nên ông K1 đồng ý nhận chuyển nhượng với giá 350.000.000 đồng, sau đó ông K1 đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 12/9/2018, ông K1 và vợ là bà Đ1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN493758 tại thửa đất 174, tờ bản đồ số 67, diện tích 146m². Đến ngày 05/10/2020 thì ông K1 và bà Đ1 mới biết là anh em của bà Q xảy ra tranh chấp về thừa kế tài sản, trong đó có phần diện tích đất mà ông K1 nhận chuyển nhượng của bà Q.

Ông Ngô Văn K1 yêu cầu Tòa án giải quyết: Công nhận quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN493758, số vào sổ CS04085 tại thửa đất 174, tờ bản đồ số 67, diện tích 146m² (trong đó có 100m² đất ở đô thị, 46m² đất trồng cây hàng năm khác) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 12/9/2018 cho ông Ngô Văn K1 và bà Phạm Thị Hồng D là hợp pháp.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022
Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn NĐ về việc yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Ngô Văn G1 và cụ Lê Thị G2 để lại là quyền sử dụng đất diện tích 464,8m² thuộc thửa đất số 91, tờ bản đồ số 67 tọa lạc tại Khóm 3, Phường 1, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng theo pháp luật và chia bằng giá trị.

1.1. Chia di sản thừa kế của cụ Ngô Văn G1 và bà Lê Thị G2 theo pháp luật đối với giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 91, tờ bản đồ số 67, tọa lạc Khóm 3, Phường 1, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng tương ứng với giá trị là 971.735.000 đồng đồng thành 09 kỷ phần bằng nhau cho các ông Ngô Văn NĐ, ông Ngô Văn H, ông Ngô Văn S, ông Ngô Văn K, bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị BĐ, các con của bà Ngô Thị N1 (gồm các bà Trần Thị N, Trần Thị A1, Trần Thị P và Trần Thị Út T) và con bà Ngô Thị N2 (bà Đỗ Kim H) được thừa hưởng cụ thể như sau:

- Ông Ngô Văn NĐ, ông Ngô Văn H, ông Ngô Văn S, ông Ngô Văn K và bà Ngô Thị Đ, mỗi người được thừa hưởng một kỷ phần tương ứng với số tiền là 107.970.555 đồng.

- Bà Ngô Thị BĐ được thừa hưởng 02 kỷ phần tương ứng với số tiền là 215.594.110 đồng (trong đó gồm 01 kỷ phần thừa kế và 01 kỷ phần công sức gìn giữ di sản).

- Các bà Trần Thị N, Trần Thị A1, Trần Thị P và Trần Thị Út T cùng được thừa hưởng 01 kỷ phần thừa kế (thế vị của bà Ngô Thị N1) tương ứng với giá trị với số tiền là 107.970.555 đồng; tương ứng mỗi người được hưởng số tiền là 26.992.639 đồng.

- Bà Đỗ Kim H được thừa hưởng 01 kỷ phần thừa kế (thế vị của bà Ngô Thị N2) tương ứng với giá trị với số tiền là 107.970.555 đồng.

1.2. Bà Ngô Thị BĐ được toàn quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất

và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 91, tờ bản đồ số 67, tọa lạc tại địa chỉ Khóm 3, Phường 1, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số BR154967 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh C cấp cho bà Ngô Thị BĐ ngày 04/12/2015) và phải có nghĩa vụ hoàn trả giá trị di sản thừa kế được phân chia cho các đồng thừa kế còn lại của cụ Ngô Văn G1 và cụ Lê Thị G2 cụ thể như sau:

- Hoàn trả cho ông Ngô Văn NĐ số tiền là 107.970.555 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng).

- Hoàn trả cho ông Ngô Văn H số tiền là 107.970.555 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng).

- Hoàn trả cho ông Ngô Văn S số tiền là 107.970.555 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng).

- Hoàn trả cho ông Ngô Văn K số tiền là 107.970.555 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng).

- Hoàn trả cho bà Ngô Thị Đ số tiền là 107.970.555 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng).

- Hoàn trả cho các bà Trần Thị N, Trần Thị A1, Trần Thị P và Trần Thị Út T số tiền là 107.970.555 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng); tương ứng mỗi người được hoàn trả số tiền là 26.992.639 đồng.

- Hoàn trả cho bà Đỗ Kim H số tiền là 107.970.555 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Văn NĐ về việc yêu cầu Tòa án hủy quyết định cá biệt là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số BR154967 do Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh C cấp cho bà Ngô Thị BĐ ngày 04/11/2003.

3. Ông Ngô Văn K1 và bà Phạm Thị Hồng Đ được ổn định sử dụng diện tích đất 146m², thửa đất số 174, tờ bản đồ số 67, có diện tích 146m² tọa lạc tại Khóm 3, Phường 1, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng, được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN493758 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 12/9/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/10/2022, bị đơn là bà Ngô Thị BĐ kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn là bà Ngô Thị BĐ vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc

thẩm, sửa bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì theo Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và Nghị định số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp lệnh thừa kế thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế đã hết. Nguồn gốc đất tranh chấp là đất hoang do cha mẹ bà Q khai hóa, các anh em của bà Q đã được cha mẹ chia cho các phần đất khác, trong khi bà Q sống cùng cha mẹ trên đất tranh chấp và chưa được chia phần đất nào nên bà Q được hưởng diện tích đất tranh chấp này.

Nguyên đơn là ông Ngô Văn NĐ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các bà Trần Thị A1, Trần Thị P, Trần Thị Út T, Đỗ Kim H (đều do ông Ngô Văn NĐ đại diện theo ủy quyền), các ông Ngô Văn S, Ngô Văn K thống nhất không đồng ý kháng cáo của bị đơn, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm vì diện tích đất tranh chấp là di sản do cha mẹ để lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Hoài H thống nhất với ý kiến và yêu cầu kháng cáo của bà Q, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Văn K1 và bà Phạm Thị Hồng Đ (có ông Ngô Văn K1 đại diện theo ủy quyền) thống nhất trình bày diện tích 146m² thuộc thửa đất 174, tờ bản đồ số 67, tọa lạc tại đường Trần Hưng Đ, Khóm 3, Phường 1, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng do ông K1, bà Đ1 nhận chuyển nhượng hợp pháp từ bà Q và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm thực hiện đúng các quy định pháp luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngô Thị Đ, Ngô Văn H, Trần Thị N, Nguyễn Thanh H, Ngô Tết N và Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh C, đều vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vụ án vắng mặt những

đương sự này.

[2] Hồ sơ vụ án thể hiện, phần đất tranh chấp có diện tích $464,8\text{m}^2$ thuộc thửa 91, tờ bản đồ số 67, tọa lạc tại khóm 3, Phường 1, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng là tài sản do cụ Ngô Văn G1 (chết ngày 20/9/1973) và cụ Lê Thị G2 (chết ngày 26/3/1978) tạo lập. Năm 2015, bà Ngô Thị BĐ (con cụ G1 và cụ G2) đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất trên. Tuy nhiên, trong hồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ngô Thị BĐ không có văn bản của các đồng thừa kế về việc đồng ý cho bà Q đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Do đó, Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 91 cho bà Q là chưa đúng quy định pháp luật, và xác định tài sản này là di sản thừa kế của cụ G1 và cụ G2 để lại.

[3] cụ G1 và cụ G2 có tất cả 08 người con chung (không có con nuôi và con riêng), bao gồm: Ngô Thị N1 (chết ngày 07/5/1998, có chồng là ông Trần Văn L1 (đã chết) và 04 người con là Trần Thị N, Trần Thị A1, Trần Thị P và Trần Thị Út T), Ngô Thị N2 (chết ngày 06/01/2002, có chồng là ông Đỗ Văn C (đã chết) và 01 người con là bà Đỗ Kim H), Ngô Văn NĐ, Ngô Thị BĐ, Ngô Thị Đ, Ngô Văn H, Ngô Văn S, Ngô Văn K, nên phần đất thuộc thửa 91 được chia thừa kế theo pháp luật thành 8 kỷ phần.

[4] Xét thấy, thửa 91 có diện tích $464,8\text{m}^2$ nếu chia thành 08 phần thì không thể phân chia và không đảm bảo diện tích để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì năm 2018 bà Q đã chuyển nhượng $146\text{m}^2/464,8\text{m}^2$ cho vợ chồng ông Ngô Văn K1, bà Phạm Thị Hồng Đ (ông K1 và bà Đ1 cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Hiện nay, toàn bộ diện tích đất thuộc thửa số 91 bà Q đang quản lý sử dụng, đã xây nhà kiên cố nằm trong phần đất tranh chấp và ông K1 đang sử dụng ổn định phần diện tích 146m^2 . Do đó, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bà Q được tiếp tục quản lý sử dụng thửa đất 91 nêu trên và có nghĩa vụ thanh toán lại bằng giá trị cho các đồng thừa kế, và được xem xét công sức gìn giữ di sản tương ứng một kỷ phần thừa kế được chia, là phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội.

[5] Theo Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 11/11/2020 của Hội đồng định giá thì tổng giá trị di sản do cụ G1 và cụ G2 để lại là 971.735.000 đồng, được chia thành 09 kỷ phần (trong đó bà Ngô Thị BĐ được chia 02 kỷ phần), mỗi kỷ phần tương ứng với giá trị là 107.970.555 đồng. Theo đó:

- Ông Ngô Văn NĐ, ông Ngô Văn H, ông Ngô Văn S, ông Ngô Văn K và bà Ngô Thị Đ, mỗi người được thừa hưởng một kỷ phần tương ứng với số tiền là 107.970.555 đồng.

- Bà Ngô Thị BĐ được thừa hưởng 02 kỷ phần tương ứng với số tiền là 215.594.110 đồng (trong đó gồm 01 kỷ phần thừa kế và 01 kỷ phần công sức gìn giữ di sản).

- Các bà Trần Thị N, Trần Thị A1, Trần Thị P và Trần Thị Út T cùng

được thừa hưởng 01 kỷ phần thừa kế (thế vị của bà Ngô Thị N1) tương ứng với giá trị là với số tiền 107.970.555 đồng; tương ứng mỗi người được hưởng số tiền là 26.992.639 đồng.

- Bà Đỗ Kim H được thừa hưởng 01 kỷ phần thừa kế (thế vị của bà Ngô Thị N2) tương ứng với giá trị là 107.970.555 đồng.

[6] Do bà Q được nhận thừa kế bằng hiện vật nên không cần thiết phải hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR154967 cấp ngày 04/12/2015 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh C cho bà Q.

[7] Đối với phần diện tích 146m² bà Q đã chuyển nhượng cho ông K1, giữa bà Q và ông K1 không có tranh chấp đối với việc chuyển nhượng này, hiện nay ông K1 đã quản lý sử dụng ổn định và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất trên đã được chia thừa kế bằng hiện vật cho bà Q. Do đó, yêu cầu của ông K1 về việc được quản lý, sử dụng phần diện tích 146m² thửa 91 là có căn cứ được chấp nhận.

[8] bà Q kháng cáo cho rằng căn cứ theo Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và Nghị quyết 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với thửa 91 đã hết, do cụ G2 chết từ năm 1978. Xét thấy, tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và điểm b mục 10 Nghị quyết 02/HĐTP thì đối với những việc thừa kế đã mở trước ngày 10/9/1990, thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990. Hơn nữa, tại Án lệ số 26/2018/AL cũng xác định thời hiệu khởi kiện đối với trường hợp mở thừa kế trước ngày 01/01/2017 là 30 năm và thời điểm bắt đầu thời hiệu được xác định theo khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990. Như vậy, căn cứ vào các quy định trên thì thời điểm kết thúc thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ G1 và cụ G2 là ngày 10/9/2020. Do đó, ông NĐ nộp đơn khởi kiện ngày 02/01/2020 là còn trong thời hiệu khởi kiện.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bà Q kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh nên không chấp nhận kháng cáo của bà Q và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[10] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[11] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người có kháng cáo phải chịu, theo quy định pháp luật về án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là bà Ngô Thị BĐ. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 63/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Áp dụng vào khoản 2 Điều 468; Các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 623, 649, 650, 651 và 660 của Bộ luật dân sự; Điều 100 và 167 của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn NĐ về việc yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Ngô Văn G1 và cụ Lê Thị G2 để lại là quyền sử dụng đất diện tích 464,8m² thuộc thửa đất số 91, tờ bản đồ số 67 tọa lạc tại Khóm 3, Phường 1, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng theo pháp luật và chia bằng giá trị.

1.1. Chia di sản thừa kế của cụ Ngô Văn G1 và bà Lê Thị G2 theo pháp luật đối với giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 91, tờ bản đồ số 67, tọa lạc Khóm 3, Phường 1, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng tương ứng với giá trị là 971.735.000 đồng đồng thành 09 kỷ phần bằng nhau cho các ông Ngô Văn NĐ, ông Ngô Văn H, ông Ngô Văn S, ông Ngô Văn K, bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị BĐ, các con của bà Ngô Thị N1 (gồm các bà Trần Thị N, Trần Thị A1, Trần Thị P và Trần Thị Út T) và con bà Ngô Thị N2 (bà Đỗ Kim H) được thừa hưởng cụ thể như sau:

- Ông Ngô Văn NĐ, ông Ngô Văn H, ông Ngô Văn S, ông Ngô Văn K và bà Ngô Thị Đ, mỗi người được thừa hưởng một kỷ phần tương ứng với số tiền là 107.970.555 đồng.

- Bà Ngô Thị BĐ được thừa hưởng 02 kỷ phần tương ứng với số tiền là 215.594.110 đồng (trong đó gồm 01 kỷ phần thừa kế và 01 kỷ phần công sức gìn giữ di sản).

- Các bà Trần Thị N, Trần Thị A1, Trần Thị P và Trần Thị Út T cùng được thừa hưởng 01 kỷ phần thừa kế (thế vị của bà Ngô Thị N1) tương ứng với giá trị với số tiền là 107.970.555 đồng; tương ứng mỗi người được hưởng số tiền là 26.992.639 đồng.

- Bà Đỗ Kim H được thừa hưởng 01 kỷ phần thừa kế (thế vị của bà Ngô Thị N2) tương ứng với giá trị với số tiền là 107.970.555 đồng.

1.2. Bà Ngô Thị BĐ được toàn quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 91, tờ bản đồ số 67, tọa lạc tại địa chỉ Khóm 3, Phường 1, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số BR154967 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh C cấp cho bà Ngô Thị BĐ ngày 04/12/2015) và phải có nghĩa vụ hoàn trả giá trị di sản thừa kế được phân chia cho các đồng thừa kế còn lại của

cụ Ngô Văn G1 và cụ Lê Thị G2 cụ thể như sau:

- Hoàn trả cho ông Ngô Văn NĐ số tiền là 107.970.555 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng).

- Hoàn trả cho ông Ngô Văn H số tiền là 107.970.555 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng).

- Hoàn trả cho ông Ngô Văn S số tiền là 107.970.555 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng).

- Hoàn trả cho ông Ngô Văn K số tiền là 107.970.555 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng).

- Hoàn trả cho bà Ngô Thị Đ số tiền là 107.970.555 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng).

- Hoàn trả cho các bà Trần Thị N, Trần Thị A1, Trần Thị P và Trần Thị Út T số tiền là 107.970.555 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng); tương ứng mỗi người được hoàn trả số tiền là 26.992.639 đồng.

- Hoàn trả cho bà Đỗ Kim H số tiền là 107.970.555 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Văn NĐ về việc yêu cầu Tòa án hủy quyết định cá biệt là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số BR154967 do Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh C cấp cho bà Ngô Thị BĐ ngày 04/11/2003.

3. Ông Ngô Văn K1 và bà Phạm Thị Hồng Đ được ổn định sử dụng diện tích đất 146m², thửa đất số 174, tờ bản đồ số 67, có diện tích 146m² tọa lạc tại Khóm 3, Phường 1, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng, được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN493758 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 12/9/2018.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ngô Thị BĐ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được cân trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006321 ngày 15/11/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật

Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (1);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (1);
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng (1);
- Các đương sự (17);
- Lưu HSVA (1), VP (5), 27b (PPC);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Nhựt Bình